

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 8 - 2025

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 267/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025, về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mai T, sinh năm: 2000, căn cước số: 087300016493, cấp ngày 23/01/2025; địa chỉ cư trú: Số A, đường Đ, Tổ A, khu phố P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số B, Tổ H, Khu phố A, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh. SĐT: 0867.441.575, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Hồ Tạch D, sinh năm: 1992; CCCD số: 075092005444, cấp ngày 20/02/2022, địa chỉ thường trú: ấp B, xã X, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ tạm trú: Số A, đường Đ, Tổ A, khu phố P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. SĐT: 0969.175.157, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mai T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Mai T và ông Hồ Tạch Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 68/2023, cấp ngày 25/5/2023. Thời gian chung sống, bà T, ông D có 01 con chung là cháu Hồ Gia M, sinh ngày 05/8/2023.

Trong thời gian sống chung, ông D ngoại tình, có hành vi bạo lực gia đình, cả hai thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, không có sự tôn trọng cho nhau. Bà T, ông D sống ly thân nhau từ sau Tết nguyên đán năm 2025 đến nay. Gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải, nhưng không thành.

Hiện nay, bà T nhận thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm của vợ chồng không còn, mục đích xây dựng hôn nhân tiến bộ, hạnh phúc không đạt được nên nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T yêu cầu được ly hôn với ông D.
- Về con chung: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Hồ Gia M, sinh ngày 05/8/2023.
- Về cấp dưỡng: Bà T yêu cầu ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ (năm triệu đồng).
- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 08/7/2025 của Tòa án, bà T giữ nguyên yêu cầu ly hôn, nuôi con, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Bà T giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: *Giấy chứng nhận kết hôn của bà T, ông D (bản công chứng); căn cước công dân của bà T, ông D (bản công chứng, photo); Giấy khai sinh của Hồ Gia M (bản công chứng); 16 tờ giấy A4 có nội dung tin nhắn zalo Giấy xác nhận nhân viên, Đơn xác nhận công việc và lương của bà Nguyễn Thị Mai T của công ty TNHH D1 (bản chính).*

- **Bị đơn ông Hồ Tạch D1:** Quá trình giải quyết vụ án, ông D1 không đến Tòa án trình bày sự việc, giao nộp chứng cứ, không tham gia phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, trong tin nhắn zalo ông D1 trao đổi với Thẩm phán được phân công thu lý giải quyết vụ án, ông D1 đồng ý ly hôn, đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông D1 không đồng ý cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng để nuôi con. Trường hợp bà T không có khả năng nuôi con thì giao con cho ông D1 nuôi dưỡng.

Ông D1 không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mai T nộp đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Hồ Tạch D đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng không đến tham gia phiên tòa. Do đó, căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt bà T, ông D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Do bị đơn có nơi cư trú tại phường B, Thành phố Hồ Chí Minh nên thẩm quyền giải

quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến quyền nhân thân nên thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện (quy định tại Điều 39, khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Dân sự).

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hôn nhân: Bà T, ông D chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà được tôn trọng và pháp luật bảo vệ. Bà T nộp đơn yêu cầu ly hôn do ông D không chung thủy có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, ông D còn có hành vi bạo lực gia đình, xúc phạm danh dự của bà T. Ông D không đến Tòa án trình bày ý kiến, phản bác lại ý kiến của bà T. Do đó, ý kiến trình bày của T thuộc trường hợp tình tiết không cần phải chứng minh quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, qua lời trình bày và chứng cứ do bà T giao nộp, Tòa thấy rằng: Mâu thuẫn tình cảm giữa bà T và ông D là có thật, nguyên nhân chính là do ông D không chung thủy, hiện tại cả hai đã sống ly thân nhau từ tháng 02/2025 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, nên tảng một gia đình hạnh phúc không có. Tòa án tạo điều kiện để bà T và ông D hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng ông D không đến và có ý kiến đồng ý ly hôn. Chứng tỏ ông D cũng không còn tình cảm với bà T, không mong muốn vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.2] Về con chung và nuôi con:

Căn cứ lời trình bày của bà T và chứng cứ do bà T giao nộp, Tòa có căn cứ xác định: bà T và ông D có 01 con chung là Hồ Gia M (nam), sinh ngày 05/8/2023. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay con chung còn nhỏ đang sống cùng bà T, ông D cũng đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, các điều 266, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 39, khoản 1 Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025 ;

- Căn cứ các điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mai T đối với bị đơn ông Hồ Tịch D về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

- Về hôn nhân: bà T được ly hôn ông D (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 68, đăng ký ngày 25/5/2023 tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai).

- Về con chung và nuôi con: Bà T được trực tiếp nuôi con chung Hồ Gia M (nam), sinh ngày 05/8/2023.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng.

Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của ông D. Ông D không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung của bà T. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T, ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà T chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001897, ngày 06/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà T, ông D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM (CS2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND KV15 - TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

Trần Thanh Bình